

KẾ HOẠCH

Đẩy nhanh tiến độ tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026

Trong thời gian qua, các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương đã tích cực phối hợp triển khai khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo Kế hoạch số 2609/KH-UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị; tuy nhiên, tỷ lệ và kết quả khám sức khỏe trên địa bàn tỉnh nhìn chung còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu, tiến độ đề ra.

Nhằm nâng cao trách nhiệm của các địa phương, đơn vị trong việc thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Bộ Chính trị về nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe Nhân dân; đồng thời đẩy nhanh tiến độ khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh năm 2026; trong khi chờ hướng dẫn của Trung ương về cơ chế khám sức khỏe định kỳ từ nguồn kinh phí bảo hiểm y tế và thực hiện chỉ đạo tại Thông báo số 103-TB/VPTU ngày 22/8/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với UBND tỉnh và các sở, ngành về tình hình khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho Nhân dân năm 2026, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đẩy nhanh tiến độ tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Xác định cụ thể lộ trình, tiến độ, nguồn lực thực hiện đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí năm 2026.
- Các địa phương, các đơn vị tổ chức triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ triển khai khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí năm 2026.

II. LỘ TRÌNH, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN:

(Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị có liên quan và UBND cấp xã chỉ đạo, tổ chức triển khai, điều phối thực hiện lộ trình khám sức khỏe đã nêu trong kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh, đảm bảo gắn kết, lồng ghép chặt chẽ với các đề án, kế hoạch khác có liên quan.
- Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tham gia công tác khám cho

người dân trên địa bàn đảm bảo theo quy định. Hướng dẫn chuyên môn, nội dung gói khám sức khỏe, sàng lọc, quản lý sức khỏe theo từng nhóm đối tượng, hướng dẫn thực hiện các biểu mẫu, quy trình chuyên môn theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ quan liên quan khẩn trương rà soát, cập nhật đầy đủ số người đã khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế từ đầu năm 2026 và kết quả khám theo các hình thức khác; thống nhất cách tính, loại trừ trùng lặp, bảo đảm số liệu báo cáo chính xác, đầy đủ, kịp thời.

Thường xuyên theo dõi tiến độ theo từng địa bàn, nhóm đối tượng; tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, điều phối nhân lực, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hỗ trợ cơ sở. Tập trung nguồn lực cho người chưa được khám, nhóm nguy cơ cao, vùng miền núi, biên giới và địa bàn khó khăn. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thống kê, báo cáo kết quả thực hiện định kỳ.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

2. Sở Tài chính

Sở Tài chính khẩn trương cân đối, bố trí 50 tỷ đồng **trước ngày 28/8/2026** để tiếp tục triển khai kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho Nhân dân; đồng thời rà soát nhu cầu thực tế, huy động các nguồn lực hợp pháp khác, ưu tiên hỗ trợ địa phương khó khăn và nhóm đối tượng chưa được khám.

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch và kinh phí hỗ trợ khám sàng lọc cho UBND các xã, phường, đặc khu theo phân cấp ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền, hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp và đôn đốc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật; lồng ghép việc theo dõi, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông; học viên thuộc các cơ sở giáo dục thường xuyên; học sinh, sinh viên thuộc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trên địa bàn đảm bảo tiến độ theo kế hoạch của UBND tỉnh, phấn đấu hoàn thành **trước ngày 30/9/2026**. Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo hướng dẫn của Sở Y tế.

5. Ban Quản lý khu kinh tế

Xây dựng kế hoạch và lộ trình cụ thể để triển khai thực hiện Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Y tế) **trước ngày 26/8/2026**. Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các doanh nghiệp và người lao động đang làm việc tại khu vực quản lý tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động. Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo hướng dẫn của Sở Y tế.

6. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh

Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị, đối tượng quản lý triển khai khám sức khỏe cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên và các đối tượng thuộc quản lý đảm bảo theo tiến độ kế hoạch. Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo hướng dẫn của Sở Y tế.

7. Liên đoàn Lao động tỉnh

Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị, doanh nghiệp có tổ chức công đoàn triển khai thực hiện khám sức khỏe cho công nhân, người lao động tại cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng lộ trình kế hoạch.

8. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Phối hợp cung cấp danh sách người dân đã đi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế từ đầu năm đến nay và số liệu người dân đi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế hàng tháng gửi về Sở Y tế trước **ngày 10 hằng tháng** để phục vụ công tác rà soát, thống kê số lượng; xác định các trường hợp chưa được khám bệnh, chữa bệnh lần nào trong năm để ưu tiên tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho các đối tượng này.

9. UBND các xã, phường, đặc khu

- Chỉ đạo rà soát, lập và cập nhật danh sách các nhóm đối tượng quy định tại điểm a và điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ trên địa bàn, bảo đảm không bỏ sót đối tượng để tổ chức khám sức khỏe. Các xã, phường căn cứ dữ liệu do BHXH tỉnh cung cấp và dữ liệu tổng hợp về khám sàng lọc, khám sức khỏe định kỳ, khám bằng các hình thức khác lưu tại Trạm Y tế để rà soát, xác định cụ thể các đối tượng chưa được khám.

Trước ngày 15 hằng tháng, các địa phương báo cáo Sở Y tế số lượng đối tượng đã khám, số lượng dự kiến khám trong tháng tiếp theo và kinh phí đề nghị đề Sở Y tế tổng hợp, gửi Sở Tài chính tham mưu, trình UBND tỉnh xem xét, bố trí. Ưu tiên kinh phí khám sức khỏe cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 69 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP chưa được khám sức khỏe bằng các hình thức khác trong năm (khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí, khám bệnh nghề nghiệp, khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, khám nhân đạo...).

- Tổ chức ngay việc khám sàng lọc miễn phí cho người dân; tổng hợp vào kết quả chung của tỉnh theo quy định, bảo đảm không trùng lặp. Các địa phương chủ động thực hiện, không chờ bố trí kinh phí.

- Bảo đảm các điều kiện cần thiết để tổ chức các đợt khám sức khỏe phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí khám sức khỏe theo đúng quy định. Huy động các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa; chỉ đạo Trạm Y tế thực hiện các nội dung khám sàng lọc phù hợp với phạm vi chuyên môn và năng lực thực tế, ưu tiên người chưa được khám, nhóm nguy cơ cao và các bệnh thường gặp; phối hợp với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện để tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người dân theo kế hoạch.

- Chỉ đạo trạm y tế phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội rà soát đối tượng, vận động người dân tham gia khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc theo kế hoạch.

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn quản lý; chỉ đạo Trạm Y tế, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công rõ trách nhiệm cho các bộ phận chuyên môn, Trạm Y tế để tổ chức thực hiện hiệu quả cho đối tượng trên địa bàn.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo tiến độ của UBND tỉnh, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế theo hướng dẫn.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện trên địa bàn; kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc; định kỳ hàng tuần, hàng tháng tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo về Sở Y tế theo hướng dẫn.

10. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

- Căn cứ nhiệm vụ đã được phân công tại Kế hoạch số 2609/KH-UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và lộ trình triển khai thực hiện tại Kế hoạch này để tích cực triển khai thực hiện đảm bảo lộ trình và tiến độ đề ra.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý đẩy nhanh tiến độ khám sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện của cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn của Sở Y tế.

11. Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cuba Đồng Hới; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài công lập

- Các cơ sở đủ điều kiện khám sức khỏe phối hợp chặt chẽ với UBND cấp xã, Trạm Y tế trên địa bàn để triển khai khám sức khỏe định kỳ cho các đối tượng ưu tiên theo hợp đồng.

- Đẩy nhanh tiến độ nhập dữ liệu khám sức khỏe lên Cổng dữ liệu sức khỏe của Bộ Y tế. ***Tập trung cao điểm nhập dữ liệu các trường hợp khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc do đơn vị triển khai lũy kể từ 1/1/2026, phấn đấu hoàn thành trong tháng 9/2026.***

- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hỗ trợ nhân lực cùng trạm y tế triển khai khám sàng lọc khi có đề nghị của địa phương.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

- Căn cứ nhiệm vụ tại Kế hoạch số 2609/KH-UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh để xây dựng văn bản triển khai, cụ thể hóa các nội dung phù hợp với hệ thống Mặt trận và các tổ chức thành viên, bảo đảm lộ trình, tiến độ đề ra.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp, các tổ chức, hội đoàn thể trực thuộc đẩy mạnh tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, quyền lợi của khám sức khỏe định kỳ; vận động 100% cán bộ, công chức, người lao động, hội viên, đoàn viên và nhân dân tham gia khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất 01 lần/năm.

- Phối hợp với ngành Y tế và chính quyền địa phương tổ chức các đợt khám lưu động, bố trí địa điểm, điều phối người dân tham gia thuận lợi; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận và nhân dân đối với quy trình, chất lượng khám sàng lọc miễn phí, bảo đảm công bằng, đúng đối tượng.

Trên đây là Kế hoạch về lộ trình, tiến độ tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị, địa phương. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Bệnh viện Hữu nghị VNCB Đồng Hới;
- UBND các phường, xã, đặc khu;
- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, TH, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Tân

Phụ lục I
CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ/KHÁM SÀNG LỌC

STT	NHÓM	SỐ LƯỢNG (dự kiến)	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC	ĐƠN VỊ KHÁM	NGUỒN KINH PHÍ	KINH PHÍ (dự kiến)
I	Nhóm 1: Người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người có công, người mắc bệnh mãn tính, người sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và không thuộc quy định tại các điểm b, c và d Khoản 2, Điều 69 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ; Nhóm 5: Nhóm đối tượng tại điểm đ khoản 2, Điều 69 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ (Các đối tượng không thuộc nhóm 1, 2,3,4)	1.228.417		UBND cấp xã		Ngân sách nhà nước chi trả	429.945.950.000
1	-Đợt 1: Người có công, người khuyết tật	92.699	30/8/2026	UBND cấp xã	+ Đơn vị khám chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe định kỳ được các xã ký	Ngân sách nhà nước chi trả	32.444.650.000

STT	NHÓM	SỐ LƯỢNG (dự kiến)	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC	ĐƠN VỊ KHÁM	NGUỒN KINH PHÍ	KINH PHÍ (dự kiến)
					hợp đồng thực hiện: đối với khám sức khoẻ định kỳ + Trung tâm y tế Quân dân y đặc khu Cồn cỏ/ Trạm y tế cấp xã: Đối với khám sàng lọc		
2	-Những đối tượng còn lại của Nhóm 1 + Nhóm 5 theo số liệu thống kê báo cáo của các xã, chia thành nhiều đợt khám:	1.135.718		UBND cấp xã	- Đối với trẻ em dưới 6 tuổi: Trạm Y tế -Từ 6 tuổi trở lên: + Đơn vị khám chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khoẻ định kỳ được các xã ký hợp đồng thực hiện: đối với khám sức khoẻ định kỳ + Trung tâm y tế Quân dân y đặc khu Cồn cỏ/ Trạm y tế cấp xã: Đối với khám sàng lọc	Ngân sách nhà nước chi trả	Hàng tháng, các địa phương căn cứ số lượng đã được khám, dự kiến số lượng khám tháng tiếp theo và đề nghị kinh phí gửi Sở Y tế tổng hợp, gửi Sở Tài chính tham mưu
2.1	- Đợt 2:	56%	30/9/2026				
2.2	- Đợt 3:	68%	30/10/2026				
2.3	- Đợt 4:	79%	30 11/2026				
2.4	- Đợt 5:	>80	30/12/2026				
II	Nhóm 2: đối tượng trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông. - Học viên thuộc các cơ sở giáo dục thường xuyên; học sinh, sinh viên thuộc	Thống kê vào đầu năm học 2026-2027	Trước 30/9/2026	Các cơ sở giáo dục	Cơ sở tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học	Theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học	Theo kinh phí của các cơ sở giáo dục

STT	NHÓM	SỐ LƯỢNG (dự kiến)	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC	ĐƠN VỊ KHÁM	NGUỒN KINH PHÍ	KINH PHÍ (dự kiến)
	các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học						
III	Nhóm 3: Người lao động		Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp	Người sử dụng lao động	Cơ sở KBCB đủ điều kiện khám sức khỏe	Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, người sử dụng lao động	Theo kinh phí các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp
1	-Các cơ quan, đơn vị công lập		30/8/2026				
2	-Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ngoài công lập		Trước 30/12/2026				
IV	Nhóm 4: Các đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý		Trước 30/12/2026	Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; các đơn vị thuộc Bộ	Cơ sở KBCB đủ điều kiện khám sức khỏe	Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	Theo kinh phí của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng

Ghi chú: Số lượng người Nhóm 1 và Nhóm 5 là dự kiến, sẽ thay đổi từng giai đoạn liên quan đến biến động dân số hàng ngày; vì vậy các địa phương tiếp tục tiếp tục rà soát và điều chỉnh theo từng giai đoạn.

Phụ lục II
CHỈ TIÊU THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ/KHÁM SÀNG LỌC GIAO CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU

TT	Đơn vị	Nhóm đối tượng			Số KSK định kỳ nhóm 1 dự kiến hoàn thành tháng 8	Số người đi khám BHYT từ 1/1/2026 đến 31/7/2026	Tổng số nhóm 1 + 5 cần khám từ tháng 9	Dự kiến tiến độ KSK định kỳ/sàng lọc các đối tượng còn lại của nhóm 1 và nhóm 5			
		Nhóm 1	Nhóm 5	Tổng nhóm 1 + 5				Tỷ lệ (%) khám Tháng 9	Tỷ lệ (%) khám Tháng 10	Tỷ lệ (%) khám Tháng 11	Tỷ lệ (%) khám Tháng 12
	TOÀN TỈNH	737.314	491.103	1.228.417	92.699	325.021	810.697	56	68	79	>80
1	Đặc khu Côn Cò	101	79	180	0	20	160				
2	Phường Đồng Hới	18.397	28.081	46.478	2.756	10.531	33.191	30	50	70	>80
3	Phường Đồng Thuận	7.815	12.338	20.153	1.509	6.600	12.044	60	70	80	>80
4	Phường Đồng Sơn	6.622	15.168	21.790	1.282	5.358	15.150	60	70	80	>80
5	Phường Ba Đồn	4.988	13.636	18.624	998	3.383	14.243	60	70	80	>80
6	Phường Bắc Gianh	8.471	13.000	21.471	1.032	2.898	17.541	60	70	80	>80
7	Xã Nam Gianh	6.675	21.511	28.186	1.247	3.366	23.573	30	50	70	>80
8	Xã Nam Ba Đồn	8.252	5.920	14.172	1.338	2.884	9.950	60	70	80	>80
9	Xã Dân Hóa	7.270	76	7.346	28	1.282	6.036	60	70	80	>80
10	Xã Kim Điền	3.454	1.929	5.383	602	1.470	3.311	60	70	80	>80
11	Xã Kim Phú	10.055	0	10.055	1.596	3.062	5.397	60	70	80	>80
12	Xã Minh Hóa	14.683	0	14.683	1.972	3.516	9.195	60	70	80	>80
13	Xã Tân Thành	3.975	62	4.037	537	1.444	2.056	60	70	80	>80
14	Xã Tuyên Lâm	5.698	0	5.698	506	1.236	3.956	60	70	80	>80

TT	Đơn vị	Nhóm đối tượng			Số KSK định kỳ nhóm 1 dự kiến hoàn thành tháng 8	Số người đi khám BHYT từ 1/1/2026 đến 31/7/2026	Tổng số nhóm 1 + 5 cần khám từ tháng 9	Dự kiến tiến độ KSK định kỳ/sàng lọc các đối tượng còn lại của nhóm 1 và nhóm 5			
		Nhóm 1	Nhóm 5	Tổng nhóm 1 + 5				Tỷ lệ (%) khám Tháng 9	Tỷ lệ (%) khám Tháng 10	Tỷ lệ (%) khám Tháng 11	Tỷ lệ (%) khám Tháng 12
15	Xã Tuyên Sơn	5.584	60	5.644	508	1.042	4.094	60	70	80	>80
16	Xã Đồng Lê	16.613	0	16.613	940	3.856	11.817	60	70	80	>80
17	Xã Tuyên Phú	14.689	0	14.689	1.003	3.071	10.615	60	70	80	>80
18	Xã Tuyên Bình	14.583	0	14.583	975	2.420	11.188	60	70	80	>80
19	Xã Tuyên Hóa	14.793	0	14.793	1.832	3.358	9.603	60	70	80	>80
20	Xã Tân Gianh	16.555	0	16.555	1.140	3.151	12.264	60	70	80	>80
21	Xã Trung Thuần	13.082	0	13.082	1.709	2.497	8.876	60	70	80	>80
22	Xã Hòa Trạch	7.926	22.454	30.380	1.644	4.154	24.582	30	50	70	>80
23	Xã Quảng Trạch	7.994	14.260	22.254	985	3.705	17.564	60	70	80	>80
24	Xã Phú Trạch	21.029	0	21.029	1.160	4.222	15.647	60	70	80	>80
25	Xã Thượng Trạch	2.198	0	2.198	26	631	1.541	60	70	80	>80
26	Xã Phong Nha	28.570	927	29.497	769	6.623	22.105	30	50	70	>80
27	Xã Bắc Trạch	13.267	0	13.267	1.658	4.438	7.171	60	70	80	>80
28	Xã Đông Trạch	6.485	8.342	14.827	1.429	4.118	9.280	60	70	80	>80
29	Xã Hoàn Lão	7.235	2.200	9.435	1.490	6.029	1.916	60	70	80	>80
30	Xã Bố Trạch	17.658	1.036	18.694	2.117	6.004	10.573	60	70	80	>80
31	Xã Nam Trạch	25.106	0	25.106	1.079	5.312	18.715	30	50	70	>80

TT	Đơn vị	Nhóm đối tượng			Số KSK định kỳ nhóm 1 dự kiến hoàn thành tháng 8	Số người đi khám BHYT từ 1/1/2026 đến 31/7/2026	Tổng số nhóm 1 + 5 cần khám từ tháng 9	Dự kiến tiến độ KSK định kỳ/sàng lọc các đối tượng còn lại của nhóm 1 và nhóm 5			
		Nhóm 1	Nhóm 5	Tổng nhóm 1 + 5				Tỷ lệ (%) khám Tháng 9	Tỷ lệ (%) khám Tháng 10	Tỷ lệ (%) khám Tháng 11	Tỷ lệ (%) khám Tháng 12
32	Xã Quảng Ninh	7.956	17.766	25.722	2.030	6.773	16.919	60	70	80	>80
33	Xã Ninh Châu	8.737	13.194	21.931	1.436	5.869	14.626	60	70	80	>80
34	Xã Trường Ninh	12.619	13.851	26.470	1.209	7.212	18.049	30	50	70	>80
35	Xã Trường Sơn	6.431	0	6.431	229	1.773	4.429	60	70	80	>80
36	Xã Lệ Thủy	17.713	27.350	45.063	2.485	5.275	37.303	30	50	70	>80
37	Xã Cam Hồng	4.761	11.781	16.542	1.307	3.040	12.195	60	70	80	>80
38	Xã Sen Ngư	4.226	11.165	15.391	973	2.896	11.522	60	70	80	>80
39	Xã Tân Mỹ	5.419	12.869	18.288	2.073	2.855	13.360	60	70	80	>80
40	Xã Trường Phú	7.485	6.460	13.945	869	2.614	10.462	60	70	80	>80
41	Xã Lệ Ninh	6.208	13.477	19.685	1.262	3.158	15.265	60	70	80	>80
42	Xã Kim Ngân	7.625	0	7.625	154	1.302	6.169	60	70	80	>80
43	Xã Vĩnh Linh	11.158	4.500	15.658	1.418	5.979	8.261	60	70	80	>80
44	Xã Cửa Tùng	11.203	5.630	16.833	2.735	5.988	8.110	60	70	80	>80
45	Xã Vĩnh Hoàng	8.255	6.500	14.755	2.309	4.051	8.395	60	70	80	>80
46	Xã Vĩnh Thủy	8.483	5.300	13.783	2.230	4.721	6.832	60	70	80	>80
47	Xã Bến Quan	5.813	0	5.813	888	1.700	3.225	60	70	80	>80
48	Xã Cồn Tiên	15.211	0	15.211	885	5.340	8.986	60	70	80	>80

TT	Đơn vị	Nhóm đối tượng			Số KSK định kỳ nhóm 1 dự kiến hoàn thành tháng 8	Số người đi khám BHYT từ 1/1/2026 đến 31/7/2026	Tổng số nhóm 1 + 5 cần khám từ tháng 9	Dự kiến tiến độ KSK định kỳ/sàng lọc các đối tượng còn lại của nhóm 1 và nhóm 5			
		Nhóm 1	Nhóm 5	Tổng nhóm 1 + 5				Tỷ lệ (%) khám Tháng 9	Tỷ lệ (%) khám Tháng 10	Tỷ lệ (%) khám Tháng 11	Tỷ lệ (%) khám Tháng 12
49	Xã Cửa Việt	4.457	8.082	12.539	2.274	5.670	4.595	60	70	80	>80
50	Xã Gio Linh	9.183	9.500	18.683	1.932	7.214	9.537	60	70	80	>80
51	Xã Bến Hải	6.134	1.875	8.009	1.252	3.722	3.035	60	70	80	>80
52	Xã Cam Lộ	6.625	9.614	16.239	1.225	6.433	8.581	60	70	80	>80
53	Xã Hiếu Giang	6.523	6.800	13.323	1.214	6.241	5.868	60	70	80	>80
54	Xã La Lay	8.242	0	8.242	376	1.079	6.787	60	70	80	>80
55	Xã Tà Rụt	8.033	0	8.033	543	1.507	5.983	60	70	80	>80
56	Xã Đakrông	10.415	0	10.415	532	2.309	7.574	60	70	80	>80
57	Xã Ba Lòng	3.547	0	3.547	246	1.327	1.974	60	70	80	>80
58	Xã Hướng Hiệp	8.531	0	8.531	796	2.245	5.490	60	70	80	>80
59	Xã Hướng Lập	2.669	0	2.669	95	986	1.588	60	70	80	>80
60	Xã Hướng Phùng	7.915	0	7.915	444	3.010	4.461	60	70	80	>80
61	Xã Khe Sanh	22.210	0	22.210	668	6.385	15.157	60	70	80	>80
62	Xã Tân Lập	11.345	0	11.345	460	3.561	7.324	60	70	80	>80
63	Xã Lao Bảo	17.768	0	17.768	780	4.349	12.639	60	70	80	>80
64	Xã Lìa	10.041	0	10.041	756	3.077	6.208	60	70	80	>80
65	Xã A Dơi	9.474	0	9.474	391	2.063	7.020	60	70	80	>80

TT	Đơn vị	Nhóm đối tượng			Số KSK định kỳ nhóm 1 dự kiến hoàn thành tháng 8	Số người đi khám BHYT từ 1/1/2026 đến 31/7/2026	Tổng số nhóm 1 + 5 cần khám từ tháng 9	Dự kiến tiến độ KSK định kỳ/sàng lọc các đối tượng còn lại của nhóm 1 và nhóm 5			
		Nhóm 1	Nhóm 5	Tổng nhóm 1 + 5				Tỷ lệ (%) khám Tháng 9	Tỷ lệ (%) khám Tháng 10	Tỷ lệ (%) khám Tháng 11	Tỷ lệ (%) khám Tháng 12
66	Phường Đông Hà	13.131	19.780	32.911	1.935	10.828	20.148	30	50	70	>80
67	Phường Nam Đông Hà	13.946	34.313	48.259	1.803	12.139	34.317	30	50	70	>80
68	Xã Triệu Phong	4.150	7.825	11.975	960	6.187	4.828	60	70	80	>80
69	Xã Ái Tử	5.434	8.500	13.934	933	4.786	8.215	60	70	80	>80
70	Xã Triệu Bình	8.226	11.000	19.226	1.450	6.668	11.108	60	70	80	>80
71	Xã Triệu Cơ	6.110	9.196	15.306	1.244	5.148	8.914	60	70	80	>80
72	Xã Nam Cửa Việt	7.900	9.349	17.249	2.224	6.142	8.883	60	70	80	>80
73	Phường Quảng Trị	6.425	7.590	14.015	1.754	6.874	5.387	60	70	80	>80
74	Xã Diên Sanh	7.197	6.040	13.237	982	5.189	7.066	60	70	80	>80
75	Xã Mỹ Thủy	3.003	2.912	5.915	832	2.998	2.085	60	70	80	>80
76	Xã Hải Lăng	6.431	5.347	11.778	1.152	4.292	6.334	60	70	80	>80
77	Xã Nam Hải Lăng	5.363	15.358	20.721	1.420	4.143	15.158	60	70	80	>80
78	Xã Vĩnh Định	7.760	7.100	14.860	1.667	6.222	6.971	60	70	80	>80

*** Ghi chú:**

- Tỷ lệ khám của từng tháng tính trên tổng số người chưa được khám của các địa phương.
- Số lượng người KCB BHYT từng xã chỉ là tương đối vì trên hệ thống dữ liệu KCB BHYT một số trường hợp không nhập xã cư trú.
- Số liệu trên mới dự kiến và sẽ thay đổi thường xuyên do biến động dân cư (tỷ lệ sinh, tỷ lệ tử vong, di chuyển giữa các vùng).
- Số liệu thực tế các địa phương định khám sẽ được cụ thể từng tháng sau khi các xã rà soát trừ đi số đã khám sức khỏe định kỳ; khám sàng lọc; khám chữa bệnh bảo hiểm y tế mà các xã có dữ liệu thống kê.